UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4311 /TB-STP

Quảng Trị, ngày 28 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Danh mục thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị

Ngày 23/9/2026, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 2117/QĐ-BTP về danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình và trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1868/QĐ-BTP ngày 10/8/2026 về việc công bố 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử được thay thế, gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế, cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Trên cơ sở các quyết định nêu trên, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị thông báo danh mục thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở như sau:

1. Tổng số TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị là **212 TTHC**, trong đó:

- Cấp tỉnh: **146 TTHC**, gồm 144 được cung cấp DVCTT, trong đó có 139 DVCTT toàn trình và 05 DVCTT một phần; 02 TTHC chưa cung cấp DVCTT, thực hiện tiếp nhận trực tiếp và đã được xây dựng quy trình nội bộ để thực hiện giải quyết TTHC theo quy định;

- Cấp xã: **66 TTHC**, gồm 65 DVCTT, trong đó có 43 DVCTT toàn trình và 22 DVCTT một phần; 01 TTHC chưa cung cấp DVCTT, thực hiện tiếp nhận trực tiếp và đã được xây dựng quy trình nội bộ để thực hiện giải quyết TTHC theo quy định.

2. Các DVCTT được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

3. Sở Tư pháp thông báo đến các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, phối hợp triển khai thực hiện.

Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân ưu tiên đăng ký, sử dụng DVCTT khi thực hiện TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, tiết kiệm thời gian, chi phí và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Danh mục chi tiết TTHC và DVCTT lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị được ban hành kèm theo Thông báo này.

Thông báo này thay thế cho Thông báo số 2923/TB-STP ngày 03/8/2026 và Công văn số 3014/STP-VP ngày 07/8/2026 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

Sở Tư pháp trân trọng thông báo và đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quan tâm, phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các tổ chức, đơn vị thuộc Sở;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT,VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Chí Tiến

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Thông báo số /TB-STP ngày tháng 10 năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên Thủ tục hành chính/Tên Dịch vụ công	Mức độ dịch vụ công trên Cổng DVC quốc gia	Mã số TTHC trên Cổng DVC quốc gia
A	**SỞ TƯ PHÁP (146 TTHC)**		
I	**LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (17 TTHC)**		
1	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Toàn trình	1.001122.H50
2	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp	Toàn trình	2.000894.H50
3	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Toàn trình	1.009832.H50
4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	2.000568.H50
5	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	1.001216.H50
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	2.000555.H50
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Toàn trình	1.001117.H50

8	Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Toàn trình	1.116546.H50
9	Công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	Toàn trình	1.116547.H50
10	Hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	Toàn trình	1.116548.H50
11	Công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Toàn trình	1.116549.H50
12	Hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Toàn trình	1.116550.H50
13	Thành lập và đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	1.116551.H50
14	Hợp nhất văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Toàn trình	1.116552.H50
15	Sáp nhập văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Toàn trình	1.116553.H50
16	Tạm ngừng hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	1.116554.H50
17	Chấm dứt hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Toàn trình	1.116555.H50
II	**LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (04 TTHC)**		
18	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Một phần	2.001225.H50
19	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Toàn trình	1.003915.H50
20	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Toàn trình	1.000802.H50
21	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Toàn trình	2.002139.H50

III	**LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN (08 TTHC)**		
22	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa hành viên	Toàn trình	1.008921.H50
23	Bổ nhiệm Thừa hành viên	Toàn trình	1.008922.H50
24	Miễn nhiệm Thừa hành viên	Toàn trình	1.008923.H50
25	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	Toàn trình	1.008924.H50
26	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Toàn trình	1.008925.H50
27	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	Toàn trình	1.008926.H50
28	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	Toàn trình	1.008927.H50
29	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	Toàn trình	1.008928.H50
IV	**LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (07 TTHC)**		
30	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	Toàn trình	1.014965.H50
31	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Toàn trình	1.014966.H50
32	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Toàn trình	2.001130.H50
33	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	Toàn trình	1.002681.H50
34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	Toàn trình	2.001117.H50

35	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Toàn trình	1.002626.H50
36	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Toàn trình	1.001600.H50
V	**LĨNH VỰC LUẬT SƯ (20 TTHC)**		
37	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Toàn trình	1.000828.H50
38	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Toàn trình	1.000688.H50
39	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Toàn trình	1.008624.H50
40	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Toàn trình	1.008628.H50
41	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Toàn trình	1.008614.H50
42	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Toàn trình	1.001928.H50
43	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Toàn trình	1.002010.H50
44	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Toàn trình	1.002032.H50
45	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Toàn trình	1.002055.H50
46	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Toàn trình	1.002079.H50
47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Toàn trình	1.002099.H50
48	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Toàn trình	1.002181.H50

49	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Toàn trình	1.002198.H50
50	Hợp nhất công ty luật	Toàn trình	1.002218.H50
51	Sáp nhập công ty luật	Toàn trình	1.002234.H50
52	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Toàn trình	1.008709.H50
53	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Toàn trình	1.002398.H50
54	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.002384.H50
55	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Toàn trình	1.002368.H50
56	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Toàn trình	1.002153.H50
VI	**LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (28 TTHC)**		
57	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Toàn trình	1.013807.H50
58	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Toàn trình	1.013808.H50
59	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Toàn trình	1.013830.H50
60	Thành lập Văn phòng công chứng	Toàn trình	1.013834.H50
61	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Toàn trình	1.013835.H50
62	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Toàn trình	1.013836.H50

63	Bổ nhiệm công chứng viên	Toàn trình	1.013803.H50
64	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Toàn trình	1.013804.H50
65	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Toàn trình	1.013805.H50
66	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Toàn trình	1.013810.H50
67	Thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Toàn trình	1.013812.H50
68	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Toàn trình	1.013816.H50
69	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Toàn trình	1.013818.H50
70	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Toàn trình	3.000444.H50
71	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Toàn trình	1.013842.H50
72	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Toàn trình	1.013843.H50
73	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Toàn trình	1.013846.H50
74	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Toàn trình	1.013848.H50
75	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Toàn trình	1.013849.H50

76	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Toàn trình	1.013852.H50
77	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Toàn trình	1.013853.H50
78	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Toàn trình	1.013806.H50
79	Cấp Thẻ công chứng viên	Toàn trình	1.013859.H50
80	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Toàn trình	1.013832.H50
81	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Toàn trình	1.013837.H50
82	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Toàn trình	1.013856.H50
83	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Toàn trình	1.013839.H50
84	Đăng ký hoạt động Văn phòng Công chứng hợp nhất	Toàn trình	1.013840.H50
VII	**LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)**		
85	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Một phần	2.002039.H50
86	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Toàn trình	2.002038.H50
87	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Toàn trình	2.002036.H50
88	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Toàn trình	1.005136.H50
89	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Toàn trình	2.001895.H50
VIII	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (05 TTHC)**		

90	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	*Chưa cung cấp DVCTT; tiếp nhận trực tiếp*	1.003976.H50
91	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Một phần	1.004878.H50
92	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	1.003179.H50
93	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	*Chưa cung cấp DVCTT; tiếp nhận trực tiếp*	1.003160.H50
94	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Toàn trình	1.003198.H50
IX	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (01 TTHC)**		
95	Cấp bản sao từ sổ gốc	Toàn trình	2.000908.H50
X	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)**		
96	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Toàn trình	2.000635.H50
97	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Toàn trình	2.002516.H50
XI	**LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (02 TTHC)**		
98	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Một phần	2.002192.H50
99	Thủ tục phục hồi danh dự	Một phần	2.002191.H50
XII	**LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (06 TTHC)**		

100	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Toàn trình	1.000627.H50
101	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luậ	Toàn trình	1.000614.H50
102	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Toàn trình	1.000588.H50
103	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Toàn trình	1.000426.H50
104	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Toàn trình	1.000404.H50
105	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Toàn trình	1.000390.H50
XIII	**LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)**		
106	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Toàn trình	2.000822.H50
107	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Toàn trình	2.000819.H50
108	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Toàn trình	1.008885.H50
109	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008886.H50
110	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.001609.H50
111	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Toàn trình	1.008887.H50

112	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008888.H50
113	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Toàn trình	1.008889.H50
114	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Toàn trình	1.008890.H50
115	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008904.H50
116	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Toàn trình	1.008905.H50
117	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Toàn trình	1.008906.H50
118	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.001248.H50
XIV	**LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)**		
119	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Toàn trình	1.008907.H50
120	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008908.H50

121	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Toàn trình	1.008909.H50
122	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Toàn trình	1.008910.H50
123	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008911.H50
124	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Toàn trình	1.008913.H50
125	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Toàn trình	1.009284.H50
126	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Toàn trình	2.001716.H50
127	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	1.008914.H50
128	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Toàn trình	2.000515.H50
129	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Toàn trình	1.008915.H50
130	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Toàn trình	1.008916.H50
131	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường	Toàn trình	1.009283.H50

	hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài		
XV	**LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (12 TTHC)**		
132	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000596.H50
133	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000954.H50
134	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000840.H50
135	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Toàn trình	1.001233.H50
136	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Toàn trình	2.000970.H50
137	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000829.H50
138	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.001687.H50
139	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.001680.H50
140	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Toàn trình	2.000977.H50
141	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000587.H50
142	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Toàn trình	2.000518.H50
143	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý (Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý)	Toàn trình	2.000592.H50

XVI	**LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (01 TTHC)**		
144	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Toàn trình	1.005464.H50
XVII	**LĨNH VỰC TIẾP CẬN THÔNG TIN (02 TTHC)**		
145	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Toàn trình	1.116556.H50
146	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp	Toàn trình	1.116557.H50
B	**UBND CẤP XÃ (66 TTHC)**		
I	**LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)**		
1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Một phần	2.002165.H50
II	**LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (05 TTHC)**		
2	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Toàn trình	2.000424.H50
3	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Toàn trình	1.002211.H50
4	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Toàn trình	2.000950.H50
5	Thủ tục thôi làm hoà giải viên	Toàn trình	2.000930.H50
6	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Toàn trình	2.002080.H50
III	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH (41 TTHC)**		

7	Đăng ký khai sinh	Toàn trình	1.001193.H50
8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000528.H50
9	Đăng ký lại khai sinh	Toàn trình	1.004884.H50
10	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000522.H50
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Toàn trình	1.001022.H50
12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000779.H50
13	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Một phần	1.000689.H50
14	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Một phần	1.001695.H50
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Toàn trình	1.004772.H50
16	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Toàn trình	1.000893.H50
17	Đăng ký kết hôn	Một phần	1.000894.H50
18	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần	2.000806.H50
19	Đăng ký lại kết hôn	Một phần	1.004746.H50
20	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần	2.000513.H50
21	Đăng ký khai tử	Toàn trình	1.000656.H50
22	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	1.001766.H50

23	Đăng ký lại khai tử	Toàn trình	1.005461.H50
24	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000497.H50
25	Đăng ký giám hộ	Toàn trình	1.004837.H50
26	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	1.001669.H50
27	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Toàn trình	1.004845.H50
28	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000756.H50
29	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Toàn trình	3.000323.H50
30	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Toàn trình	3.000322.H50
31	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Toàn trình	1.004859.H50
32	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Toàn trình	2.000748.H50
33	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình	2.002189.H50
34	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình	2.000554.H50
35	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Toàn trình	2.000547.H50
36	Đăng ký khai sinh lưu động	Một phần	1.003583.H50

37	Đăng ký kết hôn lưu động	Một phần	1.000593.H50
38	Đăng ký khai tử lưu động	Một phần	1.000419.H50
39	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình	1.000110.H50
40	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Một phần	1.000094.H50
41	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình	1.000080.H50
42	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình	1.004827.H50
43	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Toàn trình	1.004873.H50
44	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Toàn trình	2.000635.H50
45	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Toàn trình	2.002516.H50
46	Liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế, cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi	Toàn trình	3.000722.H50
47	Liên thông điện tử: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Toàn trình	2.002622.H50
IV	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (05 TTHC)**		
48	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Một phần	2.001263.H50
49	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Toàn trình	2.001255.H50
50	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	*Chưa cung cấp DVCTT; tiếp nhận trực tiếp*	1.003005.H50

51	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Toàn trình	2.002349.H50
52	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình	2.002363.H50
V	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (12 TTHC)**		
53	Cấp bản sao từ sổ gốc	Toàn trình	2.000908.H50
54	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Toàn trình	2.000927.H50
55	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Một phần	2.000942.H50
56	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Một phần	2.000815.H50
57	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Một phần	2.000884.H50
58	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Một phần	2.000992.H50
59	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Một phần	2.001008.H50
60	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Một phần	2.001035.H50
62	Chứng thực di chúc	Một phần	2.001019.H50

62	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Một phần	2.001016.H50
63	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Một phần	2.001406.H50
64	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Một phần	2.000913.H50
V	**LĨNH VỰC TIẾP CẬN THÔNG TIN (02 TTHC)**		
65	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Toàn trình	1.116556.H50
66	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp	Toàn trình	1.116557.H50

Tổng cộng: 212 TTHC (146 TTHC cấp tỉnh và 66 TTHC cấp xã)./.